

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HSST

Ngày 26 - 01 - 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đức Dũng và ông Huỳnh Cao Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Duy Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn V, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1991; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 051091012081, cấp ngày: 17/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C3; trình độ văn hoá: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn B (đã chết) và bà Lê Thị C; có vợ tên Huỳnh Thị Thanh N và 03 con, lớn nhất sinh năm 2014 và nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Không; tạm giữ từ ngày 12/7/2025 đến ngày 18/7/2025;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 18/07/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lữ Thủ, sinh ngày 02 tháng 07 năm 1970; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 051070019294, cấp ngày: 15/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C3; trình độ văn hoá: 2/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Lữ T (chết) và bà Nguyễn Thị K (chết); có vợ tên Nguyễn Thị K1 và 02 con, con lớn sinh năm 1995 và con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Không; tạm giữ từ ngày từ ngày 12/5/2025 đến ngày 18/7/2025.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 18/07/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trung Ân, sinh ngày 12 tháng 09 năm 1974; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: TDP Đ, phường T, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 051074001226, cấp ngày: 07/02/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C3; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Nông; con ông Nguyễn Đức M và bà Lê Thị L; có vợ tên Đỗ Thị Á và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2013;

Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 48/2024/HSPT ngày 04/04/2024, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không; tạm giam: Không; tạm giữ từ ngày từ ngày 12/07/2025 đến ngày 15/7/2025;

Nhân thân:

- Ngày 17/5/1999, có hành vi cố ý hủy hoại tài sản công dân, bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi lập hồ sơ đưa vào cơ sở giáo dục, Chủ tịch UBND tỉnh Q ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục số 82/QĐ-CT ngày 11/01/2000, với thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 292/GCN ngày 24/9/2001 của Giám đốc cơ sở giáo dục A Bộ C3.

- Ngày 11/8/2015, có hành vi cố ý gây thương tích bị Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam theo bản án số 10/2016/HSST ngày 11/3/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/4/2018 theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 287/GCN, ngày 25/4/2018 của Trại giam K3 Bộ C3.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 04/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Lâm Thị Ngọc B1, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1987; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: TDP Đ, phường T, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; căn cước công dân số: 094187010105, cấp ngày: 07/2/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C3; trình độ văn hoá: 2/12; nghề nghiệp: Nông; con ông Lâm Văn N1 (chết) và bà Nguyễn Thị T1; có chồng tên Nguyễn Việt T2 (C1) và 02 con, con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Không; tạm giữ từ ngày 12/7/2025 đến ngày 15/7/2025;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 04/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Võ Quang T3, sinh ngày 30 tháng 07 năm 1987; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: TDP H, Phường T, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 051087001913, cấp ngày: 22/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C3; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: nông; con ông Võ Quang Á (chết) và bà Lê Thị Ánh H; có vợ tên Nguyễn Thị Mỹ K2 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Không; tạm giữ từ ngày từ ngày 12/7/2025 đến ngày 15/7/2025.

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 10/2005/HSST ngày 06/7/2005.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 04/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Minh L1, sinh ngày 10 tháng 09 năm 1984; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 051084007789, cấp ngày: 03/01/2025, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C3; trình độ văn hoá: 7/12; nghề nghiệp: Thợ may; con ông Lê H1 (chết) và bà Lê Thị T4; có vợ tên Nguyễn Thị M1 và 01 con, sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Không; tạm giữ từ ngày từ ngày 12/7/2025 đến ngày 15/7/2025.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 04/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Đình T5, sinh ngày 08 tháng 03 năm 1972; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 051072019821, cấp ngày: 28/2/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C3; trình độ văn hoá: 5/12; nghề nghiệp: Xe ôm; họ và tên cha: không xác định được, con bà Nguyễn Thị O; có vợ tên Nguyễn Thị H2 và 02 con, con lớn năm 1996, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Không; tạm giữ từ ngày 12/7/2025 đến ngày 15/7/2025.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 04/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

8. Đặng N2, sinh ngày 22 tháng 09 năm 1984; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 051084010318, cấp ngày: 13/01/2025, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C3; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Thợ điện lạnh; con ông Đặng N3 và bà Lê Thị N4; có vợ tên Lê Thị Thanh T6 và 01 con, sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Không; tạm giữ từ ngày từ ngày 12/7/2025 đến ngày 15/7/2025;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 04/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Văn T7, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: TDP H, phường T, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 051076011772, cấp ngày: 20/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C3; trình độ văn hoá: 2/12; nghề nghiệp: Đi biển; con ông Lê Văn T8 (chết) và bà Nguyễn Thị T9 (chết); có vợ tên Từ Thị Lê T10 và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Không; tạm giữ từ ngày từ ngày 12/7/2025 đến ngày 15/7/2025;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 04/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Đ, sinh ngày 12 tháng 08 năm 1968; tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 051068020906, cấp ngày: 30/11/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C3; trình độ văn hoá: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn B2 (chết) và bà Bùi Thị N5; có vợ tên Trần Thị T11 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Không; tạm giữ từ ngày từ ngày 12/7/2025 đến ngày 15/7/2025.

Nhân thân: Ngày 23/5/2018, bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, với số tiền 1.500.000 đồng, đã chấp hành xong;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 04/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1973; trú tại: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- **Người bào chữa:** Ông Trần Trung H3 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q là người bào chữa cho bị cáo Lâm Thị Ngọc B1; ông H3 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/7/2025, Phòng C4 Công an tỉnh Q phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn V cùng với nhiều đối tượng đang đánh bạc dưới hình thức xóc bầu cua có thắng, thua bằng tiền tại quán cà phê do Lữ Thủ làm chủ, có địa chỉ tại: thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi. Phòng C4 Công an tỉnh Q đã lập biên bản sự việc và tiến hành tạm giữ các vật chứng gồm: số tiền 21.520.000 đồng (*gồm: tiền dưới chiếu bạc 7.070.000 đồng và 15.450.000 đồng trên người của các đối tượng có mặt tại sòng bạc*), 01 bộ dụng cụ xóc bầu cua (gồm: 01 thau bằng kim loại màu bạc; 01 đĩa bằng kim loại màu bạc; 03 viên Kê huê hình lập phương 06 mặt có in hình: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai, 01 tấm thảm ni lông trên mặt có in 06 ô hình: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai) và 05 xe mô tô các loại.

Quá trình điều tra xác định: Vào tối ngày 11/7/2025, Lữ T12 và Nguyễn Văn V bàn bạc, thống nhất với nhau Nguyễn Văn V sẽ sử dụng quán cà phê của Lữ T12 để phục vụ cho hoạt động đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc bầu cua có thắng, thua bằng tiền, sau khi kết thúc hoạt động đánh bạc V sẽ trả cho T12 số tiền 500.000 đồng và được T12 đồng ý. Đến khoảng 21 giờ 30 ngày 11/7/2025, V bắt đầu xóc bầu cua với những người chơi gồm: Nguyễn Trùng Â, Lâm Thị Ngọc B1, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Võ Quang T3, Đặng N2, Lê Văn T7, và Nguyễn Đùng . Hoạt động đánh bạc của các đối tượng nêu trên diễn ra liên tục đến khoảng 00 giờ 30 ngày 12/7/2025 thì Phòng C4 Công an tỉnh Q phát hiện, bắt quả tang và tiến hành tạm giữ các vật chứng như đã nêu trên.

Nguyễn Văn V và những người tham gia đánh bạc thỏa thuận phương thức đánh, tỷ lệ thắng, thua; cách thức chung tiền thắng, thu tiền thua cụ thể như sau: Trò chơi bầu cua được chia thành nhiều ván và không giới hạn số lượng người tham gia, số tiền đặt cược. Phương thức đánh: ba hạt bầu cua (dạng viên xúc xắc hình lập phương, trên các mặt có

dán các biểu tượng gọi là bầu, cua, tôm, cá, gà, nai) sẽ được người “cầm cái” bỏ vào trong 01 thau và 01 cái đĩa bằng kim loại để xóc; kết quả được giữ kín. Những người chơi đánh bạc bắt đầu đặt cược vào một hoặc nhiều biểu tượng: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai cùng một lúc trong cùng một lượt chơi trên 01 tờ giấy hình chữ nhật in hình linh vật bầu, cua, tôm, cá, gà, nai. Khi việc đặt cược đã hoàn thành, V là người cầm cái mở thưởng bằng cách giữ nguyên đĩa kim loại, đồng thời mở thau kim loại thì các biểu tượng trên 03 hạt bầu cua xuất hiện. Nếu 03 mặt trên của 03 hạt bầu cua xuất hiện có biểu tượng trùng với biểu tượng mà người chơi đã đặt cược tiền trên tờ giấy có in biểu tượng linh vật trước đó, thì người “cầm cái” sẽ phải chung số tiền bằng số tiền mà người chơi đã đặt cược và chung thêm gấp hai hoặc ba lần nếu trong 03 hạt xúc xích có cùng một mặt (ví dụ: 02 hoặc 03 mặt cua), ngược lại nếu hình biểu tượng không xuất hiện thì người “cầm cái” thắng toàn bộ số tiền đặt cược; đồng thời trong quá trình đặt cược thì các con bạc cũng có thể tự xanh (ăn, thua) với nhau.

Những người tham gia đánh bạc do Nguyễn Văn V tổ chức từ khi bắt đầu cho đến thời điểm Công an bắt quả tang gồm có: Nguyễn Văn V, Nguyễn Trùng Â, Lâm Thị Ngọc B1, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ, ngoài ra không còn ai khác; số tiền dùng vào việc đánh bạc và vai trò của từng người cụ thể như sau:

1. Nguyễn Văn V: Mang theo số tiền 2.000.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc (số tiền 2.000.000 đồng này V cất giữ trong túi quần), rồi trực tiếp “xóc bầu cua” thắng, thua với các con bạc. Khi Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ của V tổng số tiền là 8.370.000 đồng, trong đó: 6.370.000 đồng tại vị trí V đang ngồi (số tiền này là tiền V thắng bạc) và 2.000.000 đồng trên người của V mang theo lúc ban đầu khi đến sòng bạc.

2. Lữ Thủ: Là chủ quán cà phê (địa điểm đánh bạc), đồng ý cho V tổ chức xóc bầu cua thắng, thua với các con bạc tại quán cà phê do T12 làm chủ để nhằm mục đích thu lợi số tiền 500.000 đồng sau khi kết thúc đánh bạc; đồng thời cho Võ Quang T3 mượn số tiền 2.500.000 đồng, cho Đặng Nhứt M2 số tiền 900.000 đồng để đánh bạc.

3. Nguyễn Trùng Â: Mang theo số tiền 1.200.000 đồng và sử dụng hết số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc. Ân đặt cược nhiều ván và thắng được 100.000 đồng, ván cuối Â đánh 50.000 đồng thì bị bắt quả tang; tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của Nguyễn Văn V là 1.300 000 đồng.

4. Lâm Thị Ngọc B1: Mang theo số tiền 4.000.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, số tiền 2.000.000 đồng còn lại là tiền B1 dùng để gửi tiền học cho con ở Đà Nẵng. Bích đặt cược nhiều ván và thắng được số tiền 900.000 đồng, ván cuối B1 đánh 100.000 đồng thì bị bắt quả tang; tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của Lâm Thị Ngọc B1 là 2.900.000 đồng.

5. Võ Quang T3: Mang theo số tiền 1.700.000 đồng, sử dụng hết số tiền 1.700.000 đồng để đánh bạc và thua hết số tiền 1.700.000 đồng. Sau khi thua hết số tiền mang theo, Trí mượn của Lữ T12 số tiền 2.500.000 đồng để đánh bạc và tiếp tục thua thêm số tiền 2.300.000 đồng, khi T3 đang đánh số tiền 200.000 đồng còn lại dưới chiếu bạc thì bị bắt quả tang; tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của T3 là 4.200 000 đồng.

6. Lê Minh L1: Mang theo số tiền 2.300.000 đồng, sử dụng hết số tiền 2.300.000 đồng để đánh bạc. Lưu đặt cược nhiều ván và thua hết số tiền 1.300.000 đồng; ván cuối L1 đánh 100.000 đồng thì bị bắt quả tang, trên người L1 còn lại 900.000 đồng; tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của L1 là 2.300.000 đồng.

7. Nguyễn Đình T5: Mang theo số tiền 600.000 đồng, sử dụng hết số tiền 600.000 đồng để đánh bạc. T5 đặt cược nhiều ván và thắng được số tiền 850.000 đồng, ván cuối T5 đánh 50.000 đồng thì bị bắt quả tang, trên người T5 còn lại 1.400.000 đồng; tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của T5 là 1.450.000 đồng.

8. Đặng Nhứt: Khi đi, N2 không mang theo tiền mặt, nhưng khi vào sòng bạc N2 chuyển tiền 02 (hai) lần cho Lữ T12 với số tiền 900.000 đồng để T12 đưa tiền mặt 900.000 đồng cho N2 đánh bạc. N2 dùng hết số tiền 900.000 đồng vào việc đánh bạc, N2 đặt cược nhiều ván và thua hết số tiền 850.000 đồng, khi đặt số tiền 50.000 đồng còn lại dưới chiếu bạc thì bị bắt quả tang; số tiền N2 dùng vào việc đánh bạc là 900.000 đồng.

9. Lê Văn T7: Mang theo số tiền 1.500.000 đồng, sử dụng hết số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc. T7 đánh nhiều ván và thua hết số tiền 1.450.000 đồng, khi tiếp tục đặt số tiền 50.000 đồng còn lại dưới chiếu bạc thì bị bắt quả tang; số tiền T7 dùng vào việc đánh bạc là 1.500.000 đồng.

10. Nguyễn Đ: Mang theo số tiền 1.720.000 đồng, sử dụng hết số tiền 1.720.000 đồng để đánh bạc. Đ dùng đánh nhiều ván và thua hết số tiền 620.000 đồng, khi tiếp tục đặt số tiền 100.000 đồng dưới chiếu bạc thì bị bắt quả tang, số tiền thu giữ được trên người của Đ là 1.000.000 đồng; số tiền Đ dùng vào việc đánh bạc là 1.720.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố: Nguyễn Văn V, Nguyễn Trùng Â, Lâm Thị Ngọc B1, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số 15/CT-VKS-KV4 ngày 01/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Trùng Â, Lâm Thị Ngọc B1, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V mức hình phạt từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trùng Â mức hình phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lữ Thủ M3 hình phạt từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Quang T3 mức hình phạt từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Thị Bích N6 mức hình phạt từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Minh L1 mức hình phạt từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T5 mức hình phạt từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng N2 mức hình phạt từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T7 mức hình phạt từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 16.420.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ xóc bầu cua (gồm: 01 thau bằng kim loại màu bạc; 01 đĩa bằng kim loại màu bạc; 03 viên Kê huê hình lập phương 06 mặt có in hình: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai, 01 tấm thảm ni lông trên mặt có in 06 ô hình: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật, riêng bị cáo Lâm Thị Ngọc B1 là đối tượng thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí hình sự, nên xem xét miễn án phí hình sự cho bị cáo B1.

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận gì, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa của bị cáo Lâm Thị Ngọc B1 thống nhất với nội dung cáo trạng, tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo B1 mà Kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên tòa; không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tiền và mức thấp nhất trong khung hình phạt đề xử phạt bị cáo. Vì hiện tại gia đình bị cáo có kinh tế khó khăn, chồng chết sớm, bị cáo đang nuôi 02 con đang học đại học; gia đình của bị cáo là hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn Thị K1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Tuy nhiên, bà K1 đã có lời khai cụ thể, rõ ràng trong hồ sơ vụ án; việc vắng mặt bà K1 không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà K1 theo quy tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn V, Lữ T12, Nguyễn Trùng Â, Lâm Thị Ngọc B1, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại phần “tóm tắt nội dung vụ án”. Lời khai, nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Phòng C4 Công an tỉnh Q lập ngày 12/7/2025 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Với mục đích thu lợi bất chính lẫn nhau giữa các con bạc, vào đêm ngày 11/7/2025 đến rạng sáng ngày 12/7/2025, bị cáo Nguyễn Văn V đã dùng địa điểm tại quán cà phê do bị cáo Lữ T12 làm chủ, có địa chỉ: thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi để tổ chức cho nhiều người chơi đánh bạc và đồng thời cũng vừa là người trực tiếp (cầm cái) đánh bạc thắng, thua bằng tiền với các con bạc dưới hình thức xóc bầu cua. Tại sòng bạc do Nguyễn Văn V tổ chức nêu trên, có tổng cộng 09 người tham gia đánh bạc, gồm: Nguyễn Văn V, Nguyễn Trùng Â, Lâm Thị Ngọc B1, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ . Khi bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã thu giữ được trực tiếp trên chiếu bạc số tiền 7.070.000 đồng và trên người các con bạc có căn cứ sử dụng vào việc đánh bạc số tiền 9.350.000 đồng.

Đánh bạc dưới hình thức “xóc bầu cua” của các bị cáo trong vụ án này được xem là “cùng nhau đánh bạc”. Do đó, căn cứ vào tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc để xem xét trách nhiệm hình sự; số tiền mỗi bị cáo dùng vào việc đánh bạc là một trong những căn cứ để xem xét, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo. Tiền hoặc hiện vật dùng vào việc đánh bạc bao gồm: “tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc thu giữ trực tiếp tại chiếu bạc, tiền hoặc hiện vật thu giữ được trong người các con bạc mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng vào việc đánh bạc, tiền hoặc hiện vật thu giữ được ở những nơi khác mà có đủ căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc”. Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc tại sòng bạc và cơ sở làm định lượng để xác định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong vụ án này là 16.420.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn V, Lữ T12, Nguyễn Trùng Â, Lâm Thị Ngọc B1, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ thỏa mãn các yếu tố cấu thành của tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Cáo trạng số 15/CT-VKS-KV4 ngày 01/12/2025 của

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài hành vi trực tiếp cầm cái, thắng, thua với các con bạc ra thì Nguyễn Văn V còn là người tổ chức ra xòng bạc và bị cáo Lữ Thủ N7 hành vi cho bị cáo Võ Quang T3 mượn tiền để đánh bạc, còn có hành vi giúp sức, cho V sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để tổ chức đánh bạc. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo V và T12 chưa thỏa mãn yếu tố về mặt khách quan của tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật hình sự, cụ thể: Số tiền dùng vào việc đánh bạc dưới 20.000.000 đồng và số người tham gia đánh bạc dưới 10 người. Do đó, không xử lý các bị cáo V, T12 về tội Tổ chức đánh bạc là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, mà trực tiếp là nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi đánh bạc thắng, thua bằng tiền là hành vi trái pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm và phải có một mức hình phạt phù hợp để nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Vụ án có tính chất đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, trong quá trình tham gia các bị cáo không có chuẩn bị, lên kế hoạch hay phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng người. Tuy nhiên, cần phải phân loại và xác định tính chất, vai trò, mức độ tham gia để có căn cứ quyết định mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo theo các quy định tại Điều 50, 58 của Bộ luật hình sự; cụ thể:

[4.1]. Bị cáo Nguyễn Văn V: Là người mượn địa điểm, đứng ra tổ chức sòng bạc và là người trực tiếp “xóc bầu cua”, trực tiếp thắng, thua với các con bạc; số tiền V dùng vào việc đánh bạc là 8.370.000 đồng.

[4.2]. Bị cáo Lữ T12: Là người cho bị cáo V và các bị cáo khác sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để đánh bạc nhằm để hưởng lợi số tiền 500.000 đồng sau khi kết thúc đánh bạc; đồng thời trực tiếp cho các bị cáo Võ Quang T3, Đặng N2 mượn tiền để đánh bạc.

[4.3]. Các bị cáo còn lại gồm: Nguyễn Trùng Â, Lâm Thị Ngọc B1, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ là những người trực tiếp tham gia đánh bạc, trong đó số tiền mỗi bị cáo dùng vào việc đánh bạc như sau: Ân 1.300.000 đồng, B1 2.900.000 đồng, T3 4.200.000 đồng, L1 1.300.000 đồng, T5 1.450.000 đồng, N2 900.000 đồng, T7 1.500.000 đồng, Đ 1.720.000 đồng.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về nhân thân:

- Các bị cáo Nguyễn Văn V, L, Lâm Thị Ngọc B1, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7 có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự.
- Các bị cáo Nguyễn Trùng Â, Võ Quang T3, Nguyễn Đ có nhân thân xấu.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng:

- Bị cáo Nguyễn Trùng Â: Vào ngày 04/4/2024, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội “đánh bạc”; bị cáo chấp hành xong án phạt tù 22/05/2025, chưa

được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo trong vụ án này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Các bị cáo Nguyễn Văn V, Lữ T12, Lâm Thị Ngọc B1, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ:

- Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo Nguyễn Văn V, Lữ T12, Nguyễn Trùng Â, Lâm Thị Ngọc B1, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ đều đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Các bị cáo Nguyễn Văn V, Lữ T12, Lâm Thị Ngọc B1, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Riêng các bị cáo: Nguyễn Văn V, Lữ T13, Nguyễn Đ và Võ Quang T3 có ông, bà nội là người có công với cách mạng. Do đó, các bị cáo V, T13, Đ và T3 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6]. Về hình phạt:

[6.1]. Đối với bị cáo Nguyễn Trùng Â: Đã từng chấp hành án phạt tù về tội đánh bạc, sau khi chấp xong, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, lại tiếp tục phạm tội “đánh bạc”. Điều đó thể hiện bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo và cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với các bị cáo còn lại: Lần đầu phạm tội “đánh bạc”. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính để xử phạt các bị cáo mà không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo.

[6.2]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Đối với hành vi của một số người có liên quan:

[7.1]. Đối với bà Nguyễn Thị K1: Bà K1 là vợ của bị cáo Lữ T12, hành vi đánh bạc của các bị cáo diễn ra tại quán cà phê do bị cáo T12 và bà K1 làm chủ. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ ngày 11/7/2025 đến ngày 12/7/2025, bà K1 không có nhà (nuôi con đau tại Thành phố Đà Nẵng), cũng không biết bị cáo Thủ thống N8, thỏa thuận với bị cáo V sử dụng quán cà phê của mình để làm địa điểm đánh bạc, nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà K1 là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7.2]. Đối với đối tượng mang bộ dụng cụ xóc bầu cua đến quán cà phê và để lại ở quầy pha chế, sau đó Nguyễn Văn V sử dụng để xóc cho các con bạc đánh bạc. Tuy nhiên, bị cáo Lữ Thủ C2 biết được người đàn ông đó tên là Q, khoảng 40 tuổi; trú tại phường T, tỉnh Quảng Ngãi; ngoài ra không có thông tin gì thêm. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để xác minh, nhưng do có ít thông tin nên chưa làm rõ được; Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và đề nghị xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng:

[8.1]. Đối với số tiền dùng vào việc đánh bạc đã thu giữ được tổng cộng 16.420.000 (Mười sáu triệu, bốn trăm, hai mươi nghìn) đồng là tiền dùng vào việc phạm tội. Do đó, phải tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

[8.2]. Đối với số tiền 5.100.000 đồng (trong đó 3.100.000 đồng thu giữ của Lữ T12, 2.000.000 đồng thu giữ của Lâm Thị Ngọc B1): Qua điều tra xác định không có căn cứ sử dụng vào mục đích đánh bạc, nên cần phải trả lại cho cho các bị cáo Lữ T12 và Lâm Thị Ngọc B1. Tuy nhiên, cần phải tiếp tục tạm giữ số tiền trả lại cho các bị cáo T12, B1 nêu trên để đảm bảo thi hành hình phạt và các nghĩa vụ khác theo bản án đối với các bị cáo T12, B1 trong vụ án này.

[8.2]. Đối với 01 bộ dụng cụ xóc bầu cua (gồm: 01 thau bằng kim loại màu bạc; 01 đĩa bằng kim loại màu bạc; 03 viên Kê huê hình lập phương 06 mặt có in hình: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai, 01 tấm thảm ni lông trên mặt có in 06 ô hình: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai) là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Do đó, phải tịch thu tiêu hủy.

[8.3]. Đối với số tiền 900.000 đồng mà bị cáo Đặng N2 đã chuyển khoảng cho bị cáo Lữ T12 để T12 đưa tiền mặt cho Đặng N2 đánh bạc và số tiền 2.500.000 đồng Thủ cho Võ Quang T3 mượn để đánh bạc là tiền dùng vào việc phạm tội, cần phải tịch thu. Tuy nhiên, tổng số tiền 3.400.000 đồng này nằm trong tổng số tiền 16.420.000 đồng đã được thu giữ và xử lý như đã nhận định tại mục [8.1] nêu trên. Do đó, không áp dụng biện pháp tư pháp buộc các bị cáo T12, T3 phải nộp lại.

[8.4]. Khi bắt quả tang, ngoài số tiền 21.520.000 đồng, Cơ quan điều tra còn thu giữ 05 xe mô tô các loại. Tuy nhiên, 05 xe mô tô này không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội hoặc liên quan đến hành vi phạm tội “đánh bạc” của các bị cáo trong vụ án này. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[9]. Về án phí:

[9.1]. Các bị cáo Nguyễn Văn V, Lữ T12, Nguyễn Trùng Á, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9.2]. Riêng đối với bị cáo Lâm Thị Ngọc B1 hiện là đối tượng thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng, án phí là phù hợp với phân tích, đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trùng Â phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trùng Â 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/07/2025 đến ngày 15/7/2025.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo L2 Thủ phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Lữ Thủ số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đ phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Võ Quang T3 phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Võ Quang T3 số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Ngọc B1 phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Lâm Thị Ngọc B1 số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh L1 phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Lê Minh L1 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T5 phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T5 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

1.9. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đặng N2 phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Đặng N2 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

1.10. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T7 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T7 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

2.1. Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 16.420.000 (Mười sáu triệu, bốn trăm, hai mươi nghìn) đồng.

2.2. Trả lại cho bị cáo Lữ Thủ số tiền 3.100.000 đồng, trả lại cho bị cáo Lâm Thị Ngọc B1 số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, cần phải tiếp tục tạm giữ số tiền trả lại cho các bị cáo T12, B1 nêu trên để đảm bảo thi hành hình phạt và các nghĩa vụ khác theo bản án đối với các bị cáo T12, B1 trong vụ án này.

Tổng số 21.520.000 đồng (gồm: số tiền 16.420.000 đồng tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước; 3.100.000 đồng trả lại cho bị cáo T12 và 2.000.000 đồng trả lại cho bị cáo B1) thể hiện tại Ủy nhiệm chi được lập ngày 15/12/2025 tại Phòng nghiệp vụ 2 – Kho bạc Nhà nước khu vực XV (mã kho bạc: 2111), giữa đơn vị trả tiền là Phòng C4 Công an tỉnh Q từ tài khoản 3949.0.9080625.000000 với đơn vị nhận tiền là Thi hành án dân sự tỉnh Q (Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Quảng Ngãi) qua tài khoản 3949.0.10541192.000000.

2.3. Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ dụng cụ xóc bầu cua (gồm: 01 thau bằng kim loại màu bạc; 01 đĩa bằng kim loại màu bạc; 03 viên Kê huê hình lập phương 06 mặt có in hình: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai, 01 tấm thảm ni lông trên mặt có in 06 ô hình: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai) theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q với Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Quảng Ngãi lập ngày 22/12/2025.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn V, Lữ T12, Nguyễn Trùng Â, Võ Quang T3, Lê Minh L1, Nguyễn Đình T5, Đặng N2, Lê Văn T7, Nguyễn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3.2. Bị cáo Lâm Thị Ngọc B1 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án

có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 4 - Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi (CQCSĐT, bộ phận lưu trữ NV, quản lý lý lịch tư pháp và THAHS);
- Phòng THADS Khu vực 4 - Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuấn